

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 168 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/12/2023
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lương Thanh Hải

2. Bà: Hà Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Vân -Thư ký Toà án nhân dân Huyện B, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện B tham gia phiên tòa:

Ông; Nguyễn Văn Tú - Kiểm sát viên. Vắng mặt.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện B, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2023/QĐST- HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị H, sinh năm: 1984. Có mặt.

Trú tại: Thôn C, xã B, Huyện B, Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn Ch, sinh năm: 1983. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn C, xã B, Huyện B, Thanh Hóa

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V -Tổng giám đốc

Người được ủy quyền: Ông Lê Văn L - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam-Chi nhánh Huyện B, tỉnh Thanh Hóa.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn Tr -Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam-Chi nhánh Huyện B, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: Phố 2, thị trấn Cảnh Nang, Huyện B, tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt.

2. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th-Tổng giám đốc

Người được ủy quyền: Ông Trịnh Anh T - Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội Huyện B.

Địa chỉ: Phố 1, thị trấn Cành Nàng, Bá Thước, Thanh Hóa.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 11/5/2023, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị H trình bày: Chị và anh Ch tự do tìm hiểu, gia đình hai bên tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương năm 2004, đăng ký kết hôn tại UBND xã B, Huyện B, tỉnh Thanh Hóa ngày 11/11/2005. Hôn nhân hạnh phúc được mấy năm đầu, quá trình chung sống anh Ch thường xuyên rượu chè, cờ bạc, chị đi làm về thì mắng chửi, đánh đập chị, chị đã cố gắng nhẫn nhịn nhiều lần nhưng anh Ch không thay đổi. Vì vậy, tháng 4/2022 chị đi làm và không về chung sống với anh Ch nữa. Năm 2022 chị cũng đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhưng vì thương con sau đó lại rút đơn đoàn tụ. Tuy nhiên sau khi đoàn tụ anh Ch vẫn không chịu khó tu chí làm ăn, thường xuyên chửi mắng chị. Xét thấy chị đã cố gắng nhưng không có hạnh phúc nên chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân Huyện B giải quyết cho chị được ly hôn anh Ch.

- Về con chung: Chị và anh Ch có 01 con chung Bùi Thị X, sinh ngày 23/02/2007. Hiện nay cháu đang ở với anh chị, ly hôn chị cũng có nguyện vọng được nuôi con, nhưng do cháu đã lớn nên chị tôn trọng ý kiến của con, con muốn ở với ai chị cũng đồng ý và người không trực tiếp nuôi con không phải cấp dưỡng.

- Về tài sản và công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Hà Văn Ch tại biên bản lấy lời khai ngày 02/6/2023 trình bày: Anh và chị H tự nguyện kết hôn, cưới theo phong tục tập quán của địa phương năm 2004, đến ngày 11/11/2005 đăng ký kết hôn tại UBND xã B, Huyện B, tỉnh Thanh Hóa. Hôn nhân hạnh phúc, đến năm 2018 chị H đi làm xa nhà, từ khi đi chị H thay đổi, nhắn tin gọi điện với người khác, có tình cảm với người khác, anh biết nên tức giận dẫn đến vợ chồng tranh cãi, đôi khi có bạo lực gia đình. Sau đó anh cũng bỏ qua, vợ chồng chung sống bình thường, chị H vẫn thường xuyên đi làm xa nhà, đến năm 2022 chị H nộp đơn yêu cầu ly hôn nhưng sau đó rút đơn vợ chồng đoàn tụ, chị H tiếp tục đi làm nhưng sau đó chặn điện thoại của anh từ đầu tháng 4/2023 cho đến nay và yêu cầu ly hôn. Tuy nhiên vợ chồng có nợ nần nên anh yêu cầu giải quyết thì anh mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là Bùi Thị X, sinh ngày 23/02/2007. Hiện nay cháu đang ở với anh, ly hôn anh có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Vợ chồng có nợ Ngân hàng Agribank chi nhánh Huyện B số tiền 180.000.000đ, vay năm 2022, hạn trả năm 2025, vay để phát triển kinh tế gia đình, khoản nợ này chị H đứng tên vay anh là người thừa kế. Nợ Ngân hàng chính sách xã hội Huyện B 50.000.000đ để sửa nhà, chăn nuôi trâu, vay năm 2022

hạn trả đến năm 2025. Anh có nguyện vọng chia đôi số nợ trên, mỗi người chịu một nửa.

Tại biên bản hòa giải ngày 09/6/2023: Chị H đồng ý ly hôn, anh Ch đồng ý ly hôn nhưng phải chia công nợ. Về con chung hai bên thống nhất tôn trọng ý kiến của con, con muốn ở với ai cũng được, không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Các bên thống nhất không yêu cầu Tòa án chia tài sản, thống nhất mỗi bên chịu trách nhiệm trả một nửa số tiền nợ.

Ngày 14/6/2023 chị H nộp đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án chia công nợ và nộp đơn yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu chứng cứ.

Ngày 27/9/2023 chị H nộp đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chị xin rút yêu cầu chia công nợ để vợ chồng thỏa thuận.

Tòa án đã tiến hành thông báo cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam-Chi nhánh Huyện B và Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam-Phòng giao dịch Huyện B

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam-Chi nhánh Huyện B tại công văn số 433/NHNo.BT ngày 28/6/2023 và công văn số 640/NHNo.BT ngày 09/10/2023 trình bày: Tính đến ngày 28/6/2023 gia đình chị H, anh Ch còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 180.000.000đ, lãi đã trả đến hết ngày 30/6/2023. Gia đình chị H vay tiền để sử dụng chung cho hộ gia đình gồm 03 thành viên là chị Hà Thị H, anh Bùi Văn Ch và bà Bùi Thị Nhất, vì vậy nghĩa vụ trả nợ thuộc về cả 03 thành viên cùng tham gia vay vốn và yêu cầu trả lãi phát sinh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam-Phòng giao dịch Huyện B tại công văn số 235/NHCS-KNTC ngày 23/6/2023 và công văn số 370/NMHCS-KNTC ngày 10/10/2023 trình bày: Gia đình hộ anh Bùi Văn Ch và chị Hà Thị H vay chương trình hộ nghèo do anh Bùi Văn Ch đứng tên, số tiền vay 50.000.000đ, vay ngày 24/8/2022 hạn trả 24/8/2026, mục đích vay vốn để mua trâu. Món vay chưa đến hạn trả nợ, tuy nhiên gia đình đã bán Trâu không tiếp tục chăn nuôi cũng không trả nợ cho ngân hàng, như vậy hộ đã sử dụng vốn vay sai mục đích, vi phạm quy định đã ký trong Hợp đồng với ngân hàng vì vậy ngân hàng yêu cầu anh Ch, chị H phải trả số tiền đã vay trước thời hạn.

Tại biên bản hòa giải ngày 02/11/2023: Chị H và anh Ch thuận tình ly hôn, thống nhất khi ly hôn giao cháu Bùi Thị X cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Ch không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết phân tài sản. Về công nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam-Chi nhánh Huyện B và Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam-Phòng giao dịch Huyện B đều yêu cầu anh Ch, chị H có trách nhiệm trả nợ và yêu cầu thu hồi khoản nợ đã cho vay. Anh Ch đề nghị anh sẽ có trách nhiệm trả 120.000.000đ, chị H trả 60.000.000đ đối với khoản nợ Ngân hàng Agribank Việt Nam chi nhánh Bá Thước, anh đề nghị chia đôi số nợ Ngân hàng chính sách xã hội mỗi bên trả 25.000.000đ. Chị H không đồng ý trả khoản nợ 180.000.000đ của Agribank chi nhánh Bá Thước vì không có khả năng để trả nợ vì vậy chị đề nghị Ngân hàng thu hồi tài sản của vợ chồng để trả khoản nợ trên, chị đồng ý chia đôi khoản nợ Ngân

hàng chính sách xã hội, mỗi bên trả 25.000.000đ. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam-Chi nhánh Huyện B đồng ý với ý kiến về phương án trả nợ của anh Ch.

Tại phiên tòa chị Hà Thị H giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Ch, chị có nguyện vọng khi ly hôn chị là người trực tiếp nuôi cháu X và không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con chung, chị đồng ý giải quyết về công nợ. Đối với yêu cầu trả nợ của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam-Chi nhánh Huyện B chị đồng ý trả 60.000.000đ, anh Ch trả 120.000.000đ, theo như ý kiến anh Ch đề nghị tại phiên hòa giải ngày 02/11/2023, đối với khoản nợ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam-Phòng giao dịch Huyện B chị đồng ý mỗi bên có trách nhiệm trả một nửa số nợ, chị trả 25.000.000đ, anh Ch trả 25.000.000đ.

Tại phiên tòa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam-Chi nhánh Huyện B yêu cầu số nợ vay 180.000.000đ do chị Hà Thị H, anh Bùi Văn Ch và bà Bùi Thị Nhất cùng vay, đây là khoản vay không bảo đảm tài sản theo nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 và nghị định 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ, khoản vay này vẫn trả lãi đúng hạn, đã trả lãi đến hết ngày 27/12/2023, hiện nay bà Nhất đã chết vì vậy ngân hàng yêu cầu nghĩa vụ trả nợ thuộc về chị H, anh Ch, đồng ý với việc anh Ch có trách nhiệm trả 120.000.000đ tiền gốc, chị H có trách nhiệm trả 60.000.000đ tiền gốc và anh chị sẽ phải tiếp tục trả tiền lãi cộng các khoản phí khác (nếu có) theo hợp đồng cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam-Phòng giao dịch Huyện B yêu cầu chị H và anh Ch cùng có trách nhiệm trả số nợ vay 50.000.000đ tiền gốc và tiền lãi còn nợ tính đến ngày 28/12/2023 là 502.740đ, mỗi bên trả một nửa, chị H trả 25.000.000đ tiền gốc và 251.370đ tiền lãi và tiếp tục trả tiền lãi cộng các khoản phí khác (nếu có) theo hợp đồng cho đến khi trả hết nợ, anh Ch trả 25.000.000đ tiền gốc và 251.370đ tiền lãi và tiếp tục trả tiền lãi cộng các khoản phí khác (nếu có) theo hợp đồng cho đến khi trả hết nợ.

Anh Ch cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các điều 227, 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Ch.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện B vắng mặt tại phiên tòa và không có quan điểm giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Hà Thị H và anh Bùi Văn Ch đều có hộ khẩu ở xã Ban Công, Huyện B, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc TAND Huyện B được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Ch vắng mặt lần thứ hai dù đã được tổng đạt hợp lệ. Vì vậy, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Chị H và anh Ch kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 11/11/2005 đăng ký kết hôn tại UBND xã B, Huyện B, tỉnh Thanh Hóa nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do mâu thuẫn vợ chồng nên năm 2022 chị H đã nộp đơn ly hôn tại tòa án sau đó rút đơn đoàn tụ, sau khi đoàn tụ hôn nhân vẫn không có hành phúc nên chị H tiếp tục nộp đơn yêu cầu ly hôn với anh Ch. Quá trình giải quyết vụ án chị H, anh Ch đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cùng đồng ý ly hôn. Xét nguyện vọng của anh chị là chính đáng, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngày một trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị H được ly hôn anh Ch.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Thị X, sinh ngày 23/02/2007. Chị H và anh Ch đều đồng ý khi ly hôn giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên, anh Ch không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Đây cũng là nguyện vọng của cháu X. Vì vậy nguyện vọng của hai bên là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản: Chị H và anh Ch không yêu cầu tòa án giải quyết nên miễn xét.

[6] Về công nợ chung:

[6.1] Đối với khoản nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, số tiền gốc 180.000.000đ, mục đích sử dụng vốn vay trồng và chăm sóc rừng, vay ngày 22/4/2023 hạn trả ngày 22/4/2025 tuy chưa đến hạn trả nợ nhưng do chị H và anh Ch ly hôn nên có nguy cơ ảnh hưởng đến khả năng trả nợ, vi phạm điểm d điều 6 hợp đồng tín dụng số 3503-LAV-202201340, vì vậy Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam-Chi nhánh Huyện B yêu cầu vợ chồng phân chia nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ, được chấp nhận.

Khoản vay này do chị Hà Thị H, anh Bùi Văn Ch và bà Bùi Thị Nhất (là mẹ của anh Ch) cùng đứng tên vay, ngày 30/10/2022 bà Bùi Thị Nhất chết, những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bà Nhất, quá trình làm việc anh Ch và chị H đều thừa nhận sẽ có trách nhiệm trả khoản nợ này, ngân hàng Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam-Chi nhánh Huyện B cũng đồng ý nghĩa vụ trả nợ thuộc về anh Ch và chị H, thỏa thuận này không vi phạm quy định của pháp luật, vì vậy nghĩa vụ trả nợ thuộc về anh Ch, chị H là có căn cứ, được chấp nhận.

Về phân chia số tiền nợ: Quá trình hòa giải, chị H trình bày chị không có tiền để trả nợ vì vậy chị đề nghị Ngân hàng thu hồi tài sản của vợ chồng chị để trả khoản nợ trên. Tại biên bản hòa giải ngày 02/11/2023 anh Ch nhận anh có trách nhiệm trả 120.000,000đ, chị H trả 60.000,000đ, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam-Chi nhánh Huyện B đồng ý với phương án phân chia nợ

của anh Ch, tại phiên tòa chỉ H đồng ý trả 60.000.000đ. Vì vậy buộc anh Ch có trách nhiệm trả 120.000,000đ tiền gốc và tiếp tục trả tiền lãi cộng các khoản phí khác (nếu có) theo hợp đồng cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam cho đến khi trả hết nợ, buộc chỉ H có trách nhiệm trả 60.000,000đ tiền gốc và tiếp tục trả tiền lãi cộng các khoản phí khác (nếu có) theo hợp đồng cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam cho đến khi trả hết nợ.

[6.2] Đối với khoản nợ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, số tiền vay 50.000.000đ, vay chương trình hộ nghèo, mục đích vay vốn để mua trâu, vay ngày 24/8/2022, hạn trả 24/8/2026. Ngày 23/6/2023 ngân hàng đã tiến hành kiểm tra và xác minh khoản nợ, tại biên bản xác minh thể hiện gia đình đã bán Trâu không tiếp tục chăn nuôi cũng không trả nợ cho ngân hàng, như vậy hộ đã sử dụng vốn vay sai mục đích, vi phạm cam kết trong Hợp đồng đã ký với ngân hàng. Tuy món vay chưa đến hạn trả nợ nhưng ngân hàng yêu cầu anh Ch, chỉ H phải trả ngay số tiền đã vay là có căn cứ và được chấp nhận.

Về phân chia số tiền nợ: Tính đến ngày 28/12/2023 số tiền nợ gốc tại Ngân hàng chính sách là 50.000.000đ, số tiền nợ lãi chưa trả là 502.740đ. Chỉ H và anh Ch đều đồng ý mỗi bên trả một nửa, vì vậy chỉ H phải trả 25.000.000đ tiền gốc và 251.370đ tiền lãi và tiếp tục trả tiền lãi cộng các khoản phí khác (nếu có) theo hợp đồng cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam cho đến khi trả hết nợ, anh Ch trả 25.000.000đ tiền gốc và 251.370đ tiền lãi và tiếp tục trả tiền lãi cộng các khoản phí khác (nếu có) theo hợp đồng cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam cho đến khi trả hết nợ.

[7] Về án phí có giá ngạch về chia công nợ chung của vợ chồng: Chỉ H số tiền về trả nợ là $(60.000.000đ + 25.000.000đ + 251.370đ) \times 5\% = 85.251.370đ \times 5\% = 4.262.568đ$ (Bốn triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng). Anh Ch số tiền phải trả là $(120.000.000đ + 25.000.000đ + 251.370đ) \times 5\% = 145.251.370đ \times 5\% = 7.262.568đ$, làm tròn 7.262.000đ (Bảy triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Chỉ H, anh Ch thuộc hộ cận nghèo năm 2023 và đã có đơn xin miễn nộp tiền án phí, căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chỉ H, anh Ch được miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch về phần chia công nợ chung.

Trả lại cho ngân hàng Agribank Việt Nam, chi nhánh Huyện B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2022/0001940 ngày 20/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 201 – Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 và Điều 615 Bộ luật dân sự; Điều 28, 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân

sự; Điều 91. 95 Luật tổ chức tín dụng; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị H và yêu cầu độc lập của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Huyện B và Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội Huyện B.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Thị H được ly hôn anh Bùi Văn Ch.

Về con chung: Giao con chung là Bùi Thị X, sinh ngày 23/02/2007 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên. Anh Ch không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Ch có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

Về tài sản chung: Chị H và anh Ch không yêu cầu tòa án giải quyết nên miễn xét.

Về công nợ chung: Anh Bùi Văn Ch có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Huyện B số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) tiền gốc và lãi cộng các khoản phí khác (nếu có) theo hợp đồng cho đến khi trả hết nợ.

Anh Bùi Văn Ch có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội Huyện B số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) tiền gốc và 251.370đ (Hai trăm năm mươi một nghìn ba trăm bảy mươi đồng) tiền lãi và tiếp tục trả tiền lãi cộng các khoản phí khác (nếu có) theo hợp đồng cho đến khi trả hết nợ.

Chị Hà Thị H có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Huyện B số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) tiền gốc và tiếp tục trả tiền lãi cộng các khoản phí khác (nếu có) theo hợp đồng cho đến khi trả hết nợ.

Chị Hà Thị H có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội Huyện B số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) tiền gốc và 251.370đ (Hai trăm năm mươi một nghìn ba trăm bảy mươi đồng) tiền lãi và tiếp tục trả tiền lãi cộng các khoản phí khác (nếu có) theo hợp đồng cho đến khi trả hết nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị H, anh Ch còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo hợp đồng đối với số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi xuất các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thi hành án được thực hiện hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Chị H, anh Chũng được miễn án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho ngân hàng Agribank Việt Nam, chi nhánh Huyện B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2022/0001940 ngày 20/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện B.

Chị H, Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, phòng giao dịch Huyện B. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Huyện B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Ch có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Huyện B;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THA dân sự Huyện B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã Ký

Vũ Văn Nga

